TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2021/HSST
Ngày: 03-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diện

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Bảo

Ông Đoàn Hồng Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Hứa Thu Hằng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố NĐ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Nam - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NĐ tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 138/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Chu Anh N; sinh năm 1987 tại tỉnh Nam Định; đăng ký hộ khẩu thường trú: số 14 đường ND, phường ND, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; nơi ở: số 33/22/166 đường ĐB, phường CB, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Đình N và bà: Bùi Thị T; đã ly hôn vợ, có 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 11-6-2007, Tòa án nhân dân thành phố NĐ xử phạt 36 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; ngày 22-12-2015, Tòa án nhân dân thành phố NĐ xử phạt 33 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (đều đã được xóa án tích); bị bắt, tạm giữ ngày 06-3-2021, chuyển tạm giam ngày 12-3-2021; có mặt.

Bị hại: Anh Trần Văn H; sinh năm: 1992; nơi cư trú: tổ dân phố LL, phường PC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06-8-2020, Chu Anh N ở thành phố PL tỉnh Hà Nam muốn quay về thành phố NĐ tỉnh Nam Định nhưng không có tiền nên nảy sinh ý định đi taxi về thành phố NĐ rồi khi đến nơi sẽ lấy lý do vào nhà lấy tiền để bỏ đi để chiếm đoạt tiền cước taxi. Khoảng 06 giờ 30 phút, N đứng ở cầu CS thành phố PL tỉnh Hà Nam và gọi được một xe taxi của hãng SM, biển kiểm soát 90A - 116.39 do anh Trần Văn H điều khiển để đi về thành phố NĐ. Quá trình ngồi trong xe taxi, N phát hiện anh H có chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note 8 Pro (bên trong lắp sim số 0857507686). N biết chiếc điện thoại này là tài sản có giá trị nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên để mang cầm cố lấy tiền tiêu xài. Ngay sau đó, N nói dối là điện thoại của mình hết pin và mượn điện thoại của anh H để sử dụng. Anh H tưởng thật nên đưa điện thoại cho N. N lắp sim 0858163457 của mình vào điện thoại anh H rồi mượn và trả nhiều lần mục đích tạo niềm tin cho anh H đồng thời lấy được mật khẩu mở khóa màn hình để sau này dễ dàng tiêu thụ. Khi về đến ngõ 58 đường MTB phường VH thành phố NĐ, đồng hồ báo tiền cước taxi là 495.000 đồng. N nói với anh H đã đến nhà của N nhưng hiện không mang theo tiền, N nói anh H chờ ở ngoài để N vào nhà lấy tiền trả tiền xe taxi, anh H đồng ý. N xuống xe cầm theo chiếc điện thoại của anh H nhanh chóng đi vào ngõ 67 đường MTB phường VH thành phố NĐ và tẩu thoát ra đường MK thành phố NĐ. Sau đó, N đi đến cửa hàng cầm đồ TĐ; địa chỉ số 30 đường ĐB phường CB thành phố NĐ cầm cố chiếc điện thoại này cho chị Trần Thị T, sinh năm 1975, là chủ cửa hàng được 2.000.000 đồng. Khi nhận cầm cố điện thoại, chị T tháo 02 sim điện thoại trong máy đưa lại cho N. Số tiền có được N đã tiêu xài cá nhân hết. Đến 12 giờ cùng ngày, N dùng số điện thoại 0858163457 của mình gọi vào số điện thoại 0857507686 của anh H (lúc này anh H đã làm lại sim điện thoại). N thông báo đã cầm cố điện thoại và đề nghị anh H chuyển khoản cho N số tiền 400.000 đồng để lấy điện thoại về nhưng anh H không đồng ý và hẹn N về thành phố NĐ để cùng đi chuộc máy điện thoại. Khi biết anh H sẽ về thành phố NĐ để chuộc điện thoại. N đến cửa hàng của chị T chuộc lại chiếc điện thoại của anh H rồi mang sang cửa hàng cầm đồ HĐ; địa chỉ: số 34 đường ĐB phường CB thành phố NĐ do chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1980 là chủ cửa hàng cầm cố được 2.300.000 đồng nhưng N đã yêu cầu chị L viết hợp đồng cầm đồ với giá trị của điện thoại là 2.800.000 đồng với mục đích để đến khi anh H về chuộc máy điện thoại thì N sẽ hưởng số tiền 500.000 đồng chênh lệch.

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 06-8-2020, N nhờ bạn là anh Trần Xuân T, sinh năm 1985; nơi cư trú: số 313 đường GP, phường TT, thành phố NĐ đưa giấy cầm cố trên cho anh H và thu từ anh H 50.000 đồng tiền công. Khi anh T gặp anh H và biết được sự việc nên đã cùng đến trụ sở Công an phường VH, thành phố NĐ để trình báo và giao nộp tờ giấy cầm cố cùng tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng (là tiền công anh H trả cho anh T). Sau khi hoàn thiện hồ sơ ban đầu, Công an

phường VH đã chuyển hồ sơ lên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố NĐ để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, anh H, anh T, chị T, chị L đã khai báo toàn bộ sự việc như đã nêu trên. Chị L khi biết chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note 8 Pro là vật chứng trong vụ án đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại Bản Kết luận định giá số 36/KL-HĐĐGTS ngày 19/8/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố NĐ đã kết luận: chiếc điện thoại Xiaomi Reamid Note 8 Pro là vật chứng của vụ án có trị giá 3.400.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ việc, Chu Anh N đã bỏ đi khỏi địa phương. Sau khi bị Cơ quan điều tra triệu tập đến làm việc, ngày 06-03-2021, N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố NĐ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, phù hợp với hồ sơ tài liệu Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Sau khi định giá Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note8 Pro và trả lại tờ tiền 50.000 đồng cho bị hại là anh Trần Văn H. Anh H nhận lại tài sản và không yêu cầu N phải bồi thường chi phí làm lại chiếc sim điện thoại và không đề nghị gì khác.

Chu Anh N đã tác động để gia đình khắc phục hậu quả thay cho bản thân. Ngày 27-3-2021, bố đẻ của N đã trả cho anh H số tiền 495.000 đồng và trả cho chị L số tiền 2.300.000 đồng. Anh H và chị L đã nhận lại số tiền trên và không đề nghị gì khác.

Bản Cáo trạng số 137/CT-VKSTPNĐ ngày 13-5-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ truy tố Chu Anh N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, bị cáo Chu Anh N khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Trần Văn H như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Chu Anh N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố NĐ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Chu Anh N và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo Chu Anh N phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, Kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐGTS ngày 19-8-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 06-8-2020, Chu Anh N có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 495.000 đồng tiền cước taxi và chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note 8 Pro trị giá 3.400.000 đồng của anh Trần Văn H (tổng trị giá tài sản N đã chiếm đoạt là 3.895.000 đồng). Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo hộ nhưng bị cáo vẫn thực hiện vì mục đích tư lợi, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Do đó, bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi của bị cáo gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, có 02 lần bị kết án (đã được xóa án tích). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vấn đề dân sự: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh L đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với chị Trần Thị T và chị Nguyễn Thị Thanh L không biết chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note 8 Pro do N phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không áp dụng biện pháp xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo Chu Anh N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo Chu Anh N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Chu Anh N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 06-3-2021.

2. Án phí: Bị cáo Chu Anh N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo Chu Anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là anh Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diện